

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28-5-2019

V/v tranh chấp về ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ' - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhiều.
2. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXX- ST ngày 02 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Phạm Văn H**, sinh năm 1980;

Nơi cư trú: Thôn H, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Chị **Trương Thị Ngọc N**, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Số nhà X, đường B, Khu phố N, phường N, Thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

3. Người làm chứng: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1950;

Nơi cư trú: Thôn H, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Anh H có mặt, chị N, bà N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*/ Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/3/2019, bản tự khai và tài liệu, chứng cứ đã xuất trình và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phạm Văn H trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trương Thị Ngọc N tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn ngày 26/3/2012 tại UBND xã N, thị xã T, tỉnh Tây Ninh nay là phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại tỉnh Tây Ninh. Cuộc sống gia đình hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì vợ chồng làm không đủ chi tiêu, bố mẹ anh ở Vũ Thư già yếu không có ai trông non chăm sóc nên anh về quê sống cùng bố mẹ, do vậy vợ chồng bất đồng trong việc chọn nơi làm ăn sinh sống, bất đồng trong sinh H vùng miền. Chị N không chịu về quê chung sống cùng anh nên vợ chồng ly thân nhau từ năm 2015 đến nay. Anh và bố mẹ anh nhiều lần động viên chị N về Vũ Thư chung sống cùng anh nhưng chị N vẫn không chịu về. Nay anh nhận thấy không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với nhau được Na nên anh xin được ly hôn với chị N. Về con chung: Vợ chồng không có con chung. Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không cho ai vay tài sản gì và không vay ai tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*/ Tại Văn bản trình bày ý kiến và xin giải quyết vắng mặt đề ngày 29/3/2019 của chị Trương Thị Ngọc N gửi cho Tòa án vào ngày 22/4/2019 thể hiện: Về điều kiện, thời gian kết hôn đúng như anh H trình bày. Do vợ chồng ở xa nhau nên tình cảm phai nhạt, không còn yêu thương nhau nữa. Vợ chồng đã ly thân nhau 03 năm nay và không thể tiếp tục chung sống với nhau Na nên chị nhất trí ly hôn. Về con chung: Vợ chồng không có con chung. Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*/ Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng là bà Phạm Thị N (là mẹ đẻ của anh H) thể hiện: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, nên xảy ra cãi vã, va chạm nhất là về nơi làm ăn sinh sống do vùng miền. Đến năm 2015 anh H về nhà bà ở. Gia đình bà và anh H đã nhiều lần tìm gọi, động viên chị N về chung sống cùng anh H nhưng chị N cũng không chịu về. Thực tế vợ chồng đã chấm dứt quan hệ hôn nhân từ lâu, không còn tình cảm, cũng không thể hàn gắn được nữa.

*/Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình có quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn chưa nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ngày 29/3/2019 có văn bản trình bày ý kiến và xin giải quyết vắng mặt và không có mặt để làm việc trực tiếp tại Tòa án nên chỉ thực hiện một phần quyền và nghĩa vụ. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm. Về quan điểm

giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của anh H xử cho anh H được ly hôn chị N. Về con chung: không có, không đặt ra giải quyết. Về tài sản: Không yêu cầu, không đặt ra giải quyết. Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Phạm Văn H có đơn khởi kiện xin ly hôn chị Trương Thị Ngọc N nên xác định đây là tranh chấp về ly hôn; Anh H và chị N có văn bản lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình giải quyết vụ án do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét Văn bản trình bày ý kiến và xin giải quyết vắng mặt đề ngày 29/3/2019 của chị Trương Thị Ngọc N thì thấy: Chị N viết đơn vào thời điểm Tòa án chưa thụ lý vụ án tuy nhiên chị N viết cùng ngày với đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình giải quyết vụ án và gửi cho Tòa án vào thời điểm Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án cho chị N do vậy cần chấp nhận Văn bản trình bày ý kiến và xin giải quyết vắng mặt này của chị N.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là chị Trương Thị Ngọc N vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[4] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Văn H và chị Trương Thị Ngọc N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Do bất đồng về nơi làm ăn sinh sống do khác vùng miền nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, tình cảm vì thế mà rạn nứt. Vợ chồng đã ly thân nhau và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ năm 2015 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị N là có thật, đã trầm trọng, vợ chồng không thể đoàn tụ cùng nhau được Na nên cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho anh chị được ly hôn.

[4] Về quan hệ con chung: Anh Phạm Văn H và chị Trương Thị Ngọc N không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản: Anh Phạm Văn H và chị Trương Thị Ngọc N không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Phạm Văn H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Văn H được ly hôn chị Trương Thị Ngọc N.

2. Về quan hệ con chung: Anh Phạm Văn H và chị Trương Thị Ngọc N không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản: Anh Phạm Văn H và chị Trương Thị Ngọc N không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Anh Phạm Văn H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0003329 ngày 12/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình sang thành án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Phạm Văn H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 28/5/2019. Chị Trương Thị Ngọc N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; (Giấy chứng nhận kết hôn số: 51/2012, quyền số 01/2012 ngày 26/3/2012);
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương